

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:102/2023/DS-ST
Ngày 29/8/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thu Vân;
- Ông Tô Văn Nhung.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2023/TLST – DS ngày 25 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Đức T, sinh năm 1976; địa chỉ: số A đường Đ (lũ đoàn 434) khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1988; thường trú: xóm G, thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; tạm trú: 71/10 khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Anh T1; địa chỉ: P tham mưu, Lữ đoàn D, Quân đoàn 4, số A đường Đ khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/5/2023, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông T trình bày:* Vào khoảng tháng 9/2020 ông cho bà Phạm Thị N vay số tiền 50.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận mỗi tháng bà N phải trả cho ông

2.500.000 đồng. Khi nào ông T có yêu cầu thì bà N phải có nghĩa vụ trả lại toàn bộ nợ gốc cho ông. Đến tháng 10/2021 thì bà N vi phạm nghĩa vụ trả lãi hàng tháng đã thỏa thuận. Do đó, vào khoảng tháng 3/2023 thì ông T đã cộng dồn nợ gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi mỗi tháng mà bà N chưa trả thành số tiền 80.000.000 đồng và bà N đã ký giấy vay số tiền 80.000.000 đồng. Mặc dù, ông đã nhiều lần liên hệ với bà N để yêu cầu bà trả lại số tiền trên cho ông nhưng bà N không trả.

Trong qua trình tố tụng thì ông có yêu cầu ông Nguyễn Anh T1 là chồng của bà N phải có nghĩa vụ liên đới với bà N thanh toán cho ông số tiền nợ trên. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông đề nghị được thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc, nay ông yêu cầu một mình bà N phải thanh toán cho ông số tiền gốc đã nhận là: 50.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi và không yêu cầu ông T1 phải thực hiện nghĩa vụ liên đới với bà N đối với việc trả cho ông số tiền trên. Vì tại thời điểm bà N vay tiền ông thì ông T1 đang ở Hà Nội nên không biết việc bà N vay tiền ông.

- *Lời khai trong qua trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị N trình bày:* bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn của ông T về việc bà có vay của ông T số tiền 50.000.000 đồng và cam kết trả lãi mỗi tháng 2.500.000 đồng. Đến khoảng tháng 8 năm 2021 thì do dịch bệnh nên việc làm ăn gặp khó khăn bà không có khả năng để trả lãi cho ông T, do đó ông T đã cộng tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi mỗi tháng 2.500.000 đồng trong mấy tháng bà không đóng lãi thành số tiền nợ là: 80.000.000 đồng.

Nay tại phiên tòa ông T yêu cầu bà trả lại có ông số tiền gốc bà đã vay là 50.000.000 đồng thì bà đồng ý. Số tiền 50.000.000 đồng bà vay của ông T mục đích để sử dụng vào mục đích cá nhân của bà, không vì nhu cầu của gia đình nên không liên quan gì đến ông Nguyễn Anh T1. Thời điểm bà vay tiền của ông T thì chồng bà là ông T1 đang đi học ở Hà Nội nên hoàn toàn không biết việc này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh T1 có yêu cầu giải quyết vắng mặt, tại Bản tự khai ngày 10/8/2023 ông T1 trình bày:* ông không biết gì về số tiền bà N vay của ông T nên ông không liên quan đến tranh chấp giữa ông Lê Đức T và bà Phạm Thị N.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được bị đơn thừa nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về việc vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T1.

[2] Về nội dung vụ án: Theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa có cơ sở xác định vào khoảng tháng 9/2020 ông Nguyễn Đức T2 cho bà Phạm Thị N vay số tiền 50.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận mỗi tháng bà N phải trả cho ông T2 2.500.000 đồng tiền lãi. Đến khoảng tháng 10/2021 thì bà N không trả tiền lãi hàng tháng cho ông T2. Vì vậy, ông T2 đã cộng dồn 50.000.000 gốc và các tháng từ tháng 10/2021 đến khoảng tháng 3/2023 với tổng tiền lãi là 30.000.000 đồng thành số tiền vay 80.000.000 đồng và bà N đã ký vào giấy xác nhận vay của ông T2 số tiền 80.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ông T2 thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà N trả lại cho ông số tiền gốc đã nhận là 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà N đồng ý trả lại số tiền đã nhận là 50.000.000 đồng theo yêu cầu của ông T2. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được bị đơn thừa nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Đối với nghĩa vụ liên đới của ông Nguyễn Anh T1: bà Phạm Thị N thừa nhận ông T1 là chồng của bà N. Tuy nhiên, đối với số nợ mà bà vay của ông T2 không liên quan gì đến ông T1, số tiền trên bà vay vì mục đích cá nhân không liên quan đến nhu cầu của gia đình. Nguyên đơn ông Nguyễn Đức T2 cũng xác định tại thời điểm ông cho bà N vay tiền thì ông T1 không biết nên tại phiên tòa ông chỉ yêu cầu một mình bà N phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông.

Theo quy định tại Điều 45 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định:

“Vợ, chồng có các nghĩa vụ riêng về tài sản sau đây:

...

3. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do một bên xác lập, thực hiện không vì nhu cầu của gia đình”.

Yêu cầu của ông T2 là phù hợp với quy định của pháp luật và được bị đơn thừa nhận nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 45 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, các Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 27 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đức T với bị đơn bà Phạm Thị N về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Phạm Thị N phải thanh toán cho ông Lê Đức T số tiền 50.000.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị N phải chịu 2.500.000 đồng. Chi Cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An trả lại cho ông Lê Đức T 2.374.000 (hai triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số:0006394 ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2) ;
- VKSND thành phố Dĩ An (1);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (1) ;
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

